TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2024/KDTM – ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2024.
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Tưởng Thị Tuyết.
Bà: Phàng Thị Cở.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2023/TLST - KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B (Bac A)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Hương;

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Khoa;

Chức vụ: Giám đốc, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B - Chi nhánh Lào Cai.

Địa chỉ: Số nhà 145, Đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

(Theo quyết định số 315/2022/QĐ-TGĐ ngày 18/03/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B về việc ủy quyền liên quan đến hoạt động tố tụng và Thi hành án). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đ
Địa chỉ trụ sở chính: đội 3, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Nương - Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ nhà riêng: tổ 27, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 26/10/2023 nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B (Bac A) và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Khoa là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đức Tiến (gọi tắt là Công ty Đ) có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B cụ thể:

Khoản vay 01: Ngày 15/6/2020, Ngân hàng B và Công ty Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank, số tiền vay Công ty Đ vay là 900.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua 01 xe ô tô tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 48 tháng, từ ngày 19/06/2020 đến ngày 18/06/2024. Lãi suất vay: Áp dụng theo qui định của Bác A Bank từng thời kỳ, lãi suất hiện tại 7,99% năm áp dụng trong vòng 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân. 9,99 % năm áp dụng từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12, từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động VNĐ dành cho Tổ chức kinh tế (TCKT) thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của BAC A tại thời điểm điều chỉnh + 4,2%/năm (theo thông báo số 47/2020/TB-KBB ngày 21/4/2020). Lịch trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, lãi tính theo dư nợ thực tế. Lịch trả gốc 48 kỳ, từ kỳ 1 đến kỳ 47 phải trả gốc là 18.700.000 đồng đồng/kỳ. Kỳ thứ 48 gốc phải trả là 21.100.000 đồng.

Khoản vay 02: Ngày 28/10/2021, Ngân hàng TMCP Bắc Á và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư Tổng hợp Đức Tiến (Công ty Đ) ký kết hợp đồng tín dụng số: HĐTD số 20211028/HĐTD.240-BacABank, số tiền vay: 110.000.000, đồng; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động khách hàng doanh nghiệp thanh toán tiền điện cho công ty Điện lực Bát Xát. Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 29/10/2021 đến ngày 28/04/2022. Lãi suất cố định trong thời hạn vay. Thỏa thuận lãi trả hàng tháng vào ngày 25, gốc trả cuối kỳ; Từ ngày vay

29/10/2021 Công ty Đ chưa trả tiền gốc lãi. Dư nợ đến ngày khởi kiện là: (Tính đến 25/10/2023); nợ gốc 110.000.000 đồng; nợ gốc quá hạn: 110.000.000 đồng;Nợ lãi trong hạn: 4.113.699 đồng; Nợ lãi quá hạn 19.260.065 đồng. Tổng nợ 133.373.763 đồng; Đến ngày 26/10/2023 Công ty Đ đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, lãi chưa trả được đồng nào.

Về tài sản bảo đảm:

Công ty Đ có thế chấp 01 xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, Biển kiểm soát: 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020. Tài sản trên là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á với bên thế chấp là Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến; bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021. Giá trị định giá lần gần nhất của Ngân hàng vào thời điểm 11/01/2022 là 1.275.000.000 đồng (theo Báo cáo thẩm định giá ngày 11/01/2022 của phòng thẩm định chi nhánh Lào Cai).

Về quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng:

***** Hợp đồng tín dụng số: 20200615/HĐTD.240-BACABANK ngày 15/06/2020 (vay trung hạn):

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai đã giải ngân đủ cho khách số tiền 900.000.000 đồng để thanh toán cho bên thụ hưởng là công ty TNHH sản xuất và thương mại Ôtô Nam Việt (theo khế ước nhận nợ số 01-20200615/HĐTD.240-BACABANK ngày 18/06/2020) có đầy đủ chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty Đ.

Từ ngày vay 19/06/2020 Công ty Đ đã trả gốc 16 kỳ tương ứng từ ngày 19/6/2020 – 25/10/2021 là 299.200.000 đồng. Lãi trong hạn đã trả được 16 kỳ tương ứng đến ngày 25/10/2021 là 95.660.069 đồng và 1 phần lãi trả ngày vào 25/11/2021 là 1.745.967 đồng (chưa đủ số tiền lãi cả kỳ 17). Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả là 97.406.036 đồng.

Lãi quá hạn đã trả 330.616 đồng, đây là các khoản 16 kỳ đầu Công ty Đ chậm trả gốc, lãi quá ngày 25 định kỳ hàng tháng, phát sinh nợ quá hạn, các khoản lãi quá hạn gốc, lãi chậm trả.

Dư nợ đến ngày khởi kiện (tính đến 25/10/2023); Nợ gốc: 600.800.000,đồng. Nợ gốc quá hạn: 448.800.000 đồng (tương ứng với 24 kỳ gốc); Nợ lãi trong hạn: 83.010.500 đồng. Nợ lãi quá hạn: 84.673.440 đồng. Tổng nợ: 768.483.940 đồng.

* Hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BACABANK ngày 28/10/2021.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai đã giải ngân đủ cho khách số tiền 110.000.000 đồng để thanh toán cho Bên thụ hưởng là Điện lực Bát Xát (theo khế ước nhận nợ số 20211028/HĐTD.240-BACABANK ngày 28/10/2021) có đầy đủ chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty Đ.

Khoản vay đã hết hạn theo HĐTD từ ngày 28/04/2022, nhưng Công ty Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD đã ký kết với Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Lào Cai. Ngày 26/10/2023 Công ty Đ đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi đến nay chưa trả.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư tổng hợp Đức Tiến phải thanh toán cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo:

Hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240 – Bac A ngày 15/6/2020 tính đến hết ngày 31/01/2024 Công ty Đ còn nợ lại là: Tiền gốc: 600.800.000 đồng, số tiền lãi phải trả 86.441.005 đồng. Lãi quá hạn 106.502.492 đồng; Tổng nợ là 793.743.497 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 tính đến hết ngày 31/01/2024 Công ty Đ còn nợ lại là: Tiền gốc: 100.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 4.113.699 đồng. Lãi quá hạn 22.439.669 đồng. Tổng nợ là 126.553.368 đồng.

Tổng cả hai hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 31/01/2024 là 920.296.865 đồng. Trong đó, nợ gốc là 700.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 90.554.704 đồng; nợ lãi quá hạn là 128.942.161 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021.

2. Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai thì Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ bằng nguồn

thu và tài sản hợp pháp khác của doanh nghiệp cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đầu tư Tổng hợp Đức Tiến, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Nương, giám đốc Công ty trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư tổng hợp Đức Tiến có vay của Ngân hàng TMCP Bắc Á 02 khoản vay tín dụng:

Khoản vay 01: Ngày 15/6/2020, Ngân hàng TMCP Bắc Á và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư Tổng hợp Đức Tiến (Công ty Đ) ký kết hợp đồng tín dụng số: HĐTD số 20200615/HĐTD.240-BacABank, Số tiền vay: 900.000.000, đồng, Mục đích vay: Vay mua 01 xe ô tô tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 19/06/2020 đến ngày 18/06/2024. Lãi suất vay không cố định. Thỏa thuận gốc, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 (gốc trả theo phân kỳ, lãi trả theo dư nợ gốc thực tế giảm dần).

Về quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số: 20200615/HĐTD.240-BACABANK ngày 15/06/2020 Công ty Đ đã nhận đủ số tiền vay BacABank là 900.000.000 đồng để thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Ôtô Nam Việt (theo khế ước nhận nợ số 01-20200615/HĐTD.240-BACABANK ngày 18/06/2020) có đầy đủ chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty Đ.

Quá trình trả nợ từ tháng 6/2020 đến tháng 10/2021 Công ty Đ thực hiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn 16 kỳ trả nợ gốc số tiền 299.200.000, đồng và lãi vay: 97.406.036, đồng cho BAC A .

Tính đến ngày 12/12/2023 Công ty Đ còn nợ lại là tiền gốc: 600.800.000 đồng, số tiền lãi Ngân hàng đưa ra Công ty không đồng ý và để kế toán kiểm tra lại.

Khoản vay 02: Ngày 28/10/2021, Ngân hàng TMCP Bắc Á và Công ty Đ ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD số 20211028/HĐTD.240-BacABank, số tiền vay: 110.000.000, đồng; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động khách hàng doanh nghiệp thanh toán tiền điện cho công ty Điện lực Bát Xát. Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 29/10/2021 đến ngày 28/04/2022. Lãi suất cố định trong thời hạn vay. Thỏa thuận lãi trả hàng tháng vào ngày 25, gốc trả cuối kỳ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 20211028/HĐTD.240-BACABANK ngày 28/10/2021. Công ty Đ đã nhận đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Lào Cai đã giải ngân đủ cho khách số tiền 110.000.000 đồng để thanh toán cho Bên thụ hưởng là Điện lực Bát Xát (theo khế ước nhận nợ số 20211028/*HĐTD.240-BACABANK ngày 28/10/2021*) có đầy đủ chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty Đ.

Ngày 26/10/2023 Công ty Đ đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, lãi chưa trả được đồng nào. Dư nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi chưa trả đồng nào.

Để đảm bảo cho 02 khoản tín dụng ở trên, Công ty Đ đã thế chấp 01 xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, Biển kiểm soát: 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020. Theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021 đã ký giữa Ngân hàng TMCP B với bên thế chấp là Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đ; bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021. Hiện nay Công ty vẫn đang sử dụng chiếc xe ô tô này nhưng do Ngân hàng không giao giấy tờ để đăng kiểm nên xe vẫn do Công ty quản lý.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành Hòa giải một lần nhưng các bên không thống nhất được, Tòa án tiến hành Hòa giải lần 2 nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên toà:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm:

Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299, 317, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn là Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền tính đến hết ngày 31/01/2024 là 920.296.865 đồng. Trong đó, nợ gốc là 700.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 90.554.704 đồng; nợ lãi quá hạn là 128.942.161 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 và hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020.

Trong trường hợp Công ty Đ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát buộc bên thế chấp Công ty Đ giao tài sản

thế chấp cho Ngân hàng B để xử lý tài sản thế chấp theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp tài sản số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Đ có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B , vay số tiền gốc là 1.010.000.000 (một tỷ không trăm mười triệu) đồng; Mục đích vay trả tiền mua ô tô và tiền vay bổ sung vốn lưu động khách hàng doanh nghiệp, nay các bên tranh chấp, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty Đ có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ngân hàng B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty Đ vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện Công ty Đ có ký với Ngân hàng B 02 hợp đồng tín dụng, hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 và hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 vay số tiền là 1.010.000.000 (một tỷ không trăm mười triệu) đồng.

Để đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng ở trên Công ty Đ đã thế chấp 01 xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, biển kiểm soát 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020. Theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021.

[3] Đối với các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất số 20200615/HĐTD.240-BacABank ký ngày 15/06/2020, khế ước nhận nợ số 01-20200615/HĐTD.240-BACABANK ngày 18/06/2020) vay 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Hợp đồng tín dụng thứ hai số 20211028/HĐTD.240-BacABank ký ngày 28/10/2021, khế ước nhận nợ số 20211028/HĐTD.240-BACABANK ngày 28/10/2021 vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Cả hai Hợp đồng tín dụng đã được Công ty Đ cùng Ngân hàng B ký kết trên tinh thần tự nguyện. Hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, người ký hợp đồng phù hợp với qui định của pháp luật. Tại phiên Hòa giải ngày 12/12/2023 người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ cũng đã thừa nhận đã được ký kết 02 hợp đồng tín dụng ở trên. Như vậy 02 hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Bắc A Bank và Công ty Đ được ký kết đúng qui định của pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty Đ vi phạm thỏa thuận tại khoản khoản 14.2.4 Điều 14 trong các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng B có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả khoản nợ đã đến hạn và khoản nợ vi phạm trước thời hạn là phù hợp với điểm 12.1.3 khoản 12.1 Điều 12 trong hợp đồng tín dụng và khoản 1, 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Như vậy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B buộc Công ty Đ thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Cụ thể 02 hợp đồng được tính như sau:

[4.1] Đối với hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240 - BacABank ngày 15/6/2020:

Ngày 15/6/2020, Ngân hàng B và Công ty Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank, vay số tiền là 900.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua 01 xe ô tô tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 48 tháng, từ ngày 19/06/2020 đến ngày 18/06/2024. Về số tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận áp dụng theo qui định của Bac A từng thời kỳ, lãi suất hiện tại 7,99% năm áp dụng trong vòng 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân. Trong 6 tháng tiếp theo từ tháng thứ 7 đến tháng 12, lãi suất cho vay là 9,99 % năm, từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động VNĐ dành cho Tổ chức kinh tế (TCKT) thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của BAC A tại thời điểm điều chỉnh + 4,2%/năm (theo thông báo số 47/2020/TB-KBB ngày 21/4/2020). Lịch trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, lãi tính theo dư nợ thực tế. Lịch trả gốc 48 kỳ, từ kỳ 1 đến kỳ 47 phải trả gốc là 18.700.000 đồng đồng/kỳ. Kỳ thứ 48 gốc phải trả là 21.100.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày vay tính đến hết ngày 31/01/2024 Công ty Đ đã trả nợ được cho Ngân hàng là 396.936.653 đồng, bao gồm: khoản

gốc phân kỳ đã trả, nợ gốc được 16 kỳ tương ứng từ 19/06/2020 – 25/10/2021 số tiền gốc là 299.200.000 đồng. Lãi trong hạn đã trả được 16 kỳ tương ứng đến ngày 25/10/2021 là 95.660.069 đồng và 1 phần lãi trả ngày vào 25/11/2021 là 1.745.967 đồng (chưa đủ số tiền lãi cả kỳ 17). Tổng số tiền lãi trong hạn đã trả là 97.406.036 đồng. Lãi quá hạn đã trả 330.616 đồng. Tính đến nay hợp đồng tín dụng ở trên còn nợ số tiền gốc là 600.800.000 đồng, lãi trong hạn còn phải trả 86.441.005 đồng, lãi quá hạn 106.502.492 đồng, Tính từ thời điểm vay đến nay không có cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền gốc và lãi.

[4.1.1] Tiền lãi trong hạn phải trả tạm tính hết ngày 31/01/2024 như sau: Theo thỏa thuận tại khoản 8.2.2 Điều 8 trong hợp đồng tín dụng được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \frac{\text{Dư nợ gốc tính lãi x lãi suất (năm) x số ngày thực tế tính lãi}}{365}$$

+ *Kỳ thứ 17*: Từ ngày 25/10/2021 đến 25/11/2021 là 31 ngày, lãi suất 10,10%, dư nợ gốc tính lãi là 600.800.000 đồng, tiền lãi phải trả = 600.800.000 đồng x 10,10% : 365 ngày x 31 ngày = 5.153.712 đồng. Công ty Đ đã thanh toán một phần lãi 1.745.967 đồng vào ngày 25/11/2021, số tiền lãi còn phải trả của kỳ thứ 17 = 5.153.712 đồng - 1.745.967 đồng = 3.407.745 đồng.

+ *Kỳ thứ 18*: Từ ngày 25/11/2021 đến 25/12/2021 là 30 ngày, lãi suất 10,10%, dư nợ gốc tính lãi là 582.100.000 đồng, tiền lãi phải trả = 582.100.000 đồng x 10,10% : 365 ngày x 30 ngày = 4.832.227 đồng

+ *Kỳ thứ 19*: Từ ngày 25/12/2021 đến 25/01/2022 là 31 ngày, lãi suất 10,10%, dư nợ gốc tính lãi là 563.400.000 đồng, tiền lãi phải trả = 563.400.000 đồng x 10,10% : 365 ngày x 31 ngày = 4.832.892 đồng

+ *Kỳ thứ 20*: Từ ngày 25/01/2022 đến 25/02/2022 là 31 ngày, lãi suất 10,10%, dư nợ gốc tính lãi là 544.700.000 đồng, tiền lãi phải trả = 544.700.000 đồng x 10,10% : 365 ngày x 31 ngày = 4.672.481 đồng.

+ *Kỳ thứ 21*: Từ ngày 25/02/2022 đến 18/03/2022 là 21 ngày, lãi suất 10,10%, dư nợ gốc tính lãi là 526.000.000 đồng, tiền lãi phải trả = 526.000.000 đồng x 10,10% : 365 ngày x 21 ngày = 3.056.564 đồng.

Từ ngày 18/03/2022 đến 25/03/2022 là 7 ngày, lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho tổ chức kinh tế thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 58/2022/BacABank ngày 20/01/2022, tiền lãi phải trả = 526.000.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 7 ngày = 1.039.030 đồng.

+ *Kỳ thứ 22*: Từ ngày 25/03/2022 đến 25/04/2022 là 31 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 507.300.000 đồng, tiền lãi phải trả = 507.300.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 31 ngày = 4.437.833 đồng

+ *Kỳ thứ 23*: Từ ngày 25/04/2022 đến 25/05/2022 là 30 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 488.600.000 đồng, tiền lãi phải trả = 488.600.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 30 ngày = 4.136.367 đồng

+ *Kỳ thứ 24*: Từ ngày 25/05/2022 đến 25/06/2022 là 31 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 469.900.000 đồng, tiền lãi phải trả = 469.900.000 x 10,3% : 365 x 31 ngày = 4.110.659 đồng.

+ *Kỳ thứ 25*: Từ ngày 25/06/2022 đến 25/07/2022 là 30 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 451.200.000 đồng, tiền lãi phải trả = 451.200.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 30 ngày = 3.819.748 đồng.

+ *Kỳ thứ 26*:Từ ngày 25/07/2022 đến 25/08/2022 là 31 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 432.500.000 đồng, tiền lãi phải trả = 432.500.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 31 ngày = 3.783.486 đồng.

+ *Kỳ thứ 27*: Từ ngày 25/08/2022 đến 18/09/2022 là 24 ngày , lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 413.800.000 đồng, tiền lãi phải trả = 413.800.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 24 ngày = 2.802.503 đồng.

Từ ngày 18/09/2022 đến 25/09/2022 là 7 ngày , lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho tổ chức kinh tế thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 705/2022/BacABank ngày 25/08/2022, tiền lãi phải trả = 413.800.000 đồng x 10,4% : 365 x 7 ngày = 825.333 đồng.

+ *Kỳ thứ 28*: Từ ngày 25/09/2022 đến 25/10/2022 là 30 ngày, lãi suất 10,4%, dư nợ gốc tính lãi là 395.100.000 đồng, tiền lãi phải trả = 395.100.000 đồng x 10,4% : 365 ngày x 30 ngày = 3.377.293 đồng

+ *Kỳ thứ 29*: Từ ngày 25/10/2022 đến 25/11/2022 là 31 ngày , lãi suất 10,4%, dư nợ gốc tính lãi là 376.400.000 đồng, tiền lãi phải trả = 376.400.000 đồng x 10,4% : 365 ngày x 31 ngày = 3.324.695 đồng

+ *Kỳ thứ 30*: Từ ngày 25/11/2022 đến 18/12/2022 là 23 ngày , lãi suất 10,4%, dư nợ gốc tính lãi là 357.700.000 đồng, tiền lãi phải trả = 357.700.000 đồng x 10,4% : 365 ngày x 23 ngày = 2.344.160 đồng

Từ ngày 18/12/2022 đến 25/12/2022 là 7 ngày, lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho tổ chức kinh tế thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 552/2022/BacABank ngày 02/12/2022 , tiền lãi phải trả = 357.700.000 đồng x 13,6 % : 365 ngày x 7 ngày = 932.960 đồng.

+ *Kỳ thứ 31*: Từ ngày 25/12/2022 đến 25/01/2023 là 31 ngày, lãi suất 13,6%, dư nợ gốc tính lãi là 339.000 đồng, tiền lãi phải trả = 339.000.000 đồng x 13,6% : 365 ngày x 31 ngày = 3.915.682 đồng.

+ *Kỳ thứ 32*: Từ ngày 25/01/2023 đến 27/01/2023 là 02 ngày, lãi suất 13,6%, dư nợ gốc tính lãi là 339.000.000 đồng, tiền lãi phải trả = 339.000.000 đồng x 13,6% : 365 ngày x 2 ngày = 252.625 đồng.

Từ ngày 27/01/2023 đến 25/02/2023 là 29 ngày, lãi suất 13,6%, dư nợ gốc tính lãi là 320.300.000 đồng, tiền lãi phải trả = 320.300.000 đồng x 13,6% : 365 ngày x 29 ngày = 3.460.995 đồng.

+ *Kỳ thứ 33*: Từ ngày 25/02/2023 đến 17/03/2023 là 20 ngày, lãi suất 13,6%, dư nợ gốc tính lãi là 301.600.000 đồng, tiền lãi phải trả = 301.600.000.000 đồng x 13,6% : 365 ngày x 20 ngày = 2.247.540 đồng.

Từ ngày 17/03/2023 đến 25/03/2023 là 8 ngày, lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho tổ chức kinh tế thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 348/2023/BacABank ngày 03/03/2023 , tiền lãi phải trả = 301.600.000 đồng x 13,1% : 365 ngày x 8 ngày = 865.964 đồng.

+ *Kỳ thứ 34*: Từ ngày 25/03/2023 đến 25/04/2023 là 31 ngày, lãi suất 13,1%, dư nợ gốc tính lãi là 282.900.000 đồng, tiền lãi phải trả = 282.900. 000 đồng x 13,1% : 365 ngày x 31 ngày = 3.147.553 đồng.

+ *Kỳ thứ 35*: Từ ngày 25/04/2023 đến 25/05/2023 là 30 ngày, lãi suất 13,1%, dư nợ gốc tính lãi là 264.200.000 đồng, tiền lãi phải trả = 264.200.000 đồng x 13,1% : 365 ngày x 30 ngày = 2.844.674 đồng.

+ *Kỳ thứ 36*: Từ ngày 25/05/2023 đến 18/06/2023 là 24 ngày, lãi suất 13,1%, dư nợ gốc tính lãi là 245.500.000 đồng, tiền lãi phải trả = 245.500.000 đồng x 13,1% : 365 ngày x 24 ngày = 2.114.663 đồng.

Từ ngày 18/06/2023 đến 25/06/2023 là 7 ngày, lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho tổ chức kinh tế thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 934/2023/BacABank ngày 24/05/2023, tiền lãi phải trả = 245.500.000 đồng x 12,1% : 365 ngày x 7 ngày = 569.695 đồng.

+ *Kỳ thứ 37*: Từ ngày 25/06/2023 đến 25/07/2023 là 30 ngày, lãi suất 12,1%, dư nợ gốc tính lãi là 226.800.000 đồng, tiền lãi phải trả = 226.800.000 x 12,1% : 365 ngày x 30 ngày = 2.255.573 đồng.

+ *Kỳ thứ 38*: Từ ngày 25/07/2023 đến 25/08/2023 là 31 ngày, lãi suất 12,1%, dư nợ gốc tính lãi là 208.100.000 đồng, tiền lãi phải trả = 208.100.000 đồng x 12,1% : 365 ngày x 31 ngày = 2.138.584 đồng.

+ *Kỳ thứ 39*: Từ ngày 25/08/2023 đến 18/09/2023 là 24 ngày, lãi suất 12,1%, dư nợ gốc tính lãi là 189.400.000 đồng, tiền lãi phải trả = 189.400.000 đồng x 12,1% : 365 x 24 ngày = 1.506.898 đồng.

Từ ngày 18/09/2023 đến 25/09/2023 là 7 ngày, lãi suất được điều chỉnh áp dụng mức lãi suất huy động VNĐ dành cho TCKT thời hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ được ban hành theo Quyết định 392/2023/BacABank ngày 11/09/2023, tiền lãi phải trả = 189.400.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 7 ngày = 374.130 đồng.

+ *Kỳ thứ 40*: Từ ngày 25/09/2023 đến 25/10/2023 là 30 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 170.700.000 đồng, tiền lãi phải trả = 170.700.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 30 ngày = 1.445.104 đồng.

+ *Kỳ thứ 41*:Từ ngày 25/10/2023 đến 25/11/2023 là 31 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 152.000.000 đồng, tiền lãi phải trả = 152.000.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 31 ngày = 1.329.688 đồng.

+ *Kỳ thứ 42:* Từ ngày 25/11/2023 đến 18/12/2023 là 23 ngày, lãi suất 10,3%, dư nợ gốc tính lãi là 133.300.000 đồng, tiền lãi phải trả = 133.300.000 đồng x 10,3% : 365 ngày x 23 ngày = 865.172 đồng

Từ ngày 18/12/2023 đến 25/12/2023 là 7 ngày, lãi suất 9,7% dư nợ gốc tính lãi là 133.300.000 đồng, tiền lãi phải trả = 133.300.000 đồng x 9,7% : 365 ngày x 7 ngày = 247.975 đồng

+ *Kỳ thứ 43:* Từ ngày 25/12/2023 đến 25/01/2024 là 31 ngày, lãi suất 9,7% dư nợ gốc tính lãi là 114.600.000 đồng, tiền lãi phải trả = 114.600.000 đồng x 9,7% : 365 ngày x 31 ngày = 944.116 đồng

+ *Kỳ thứ 44:* Từ ngày 25/01/2024 đến 01/02/2024 là 7 ngày, lãi suất 9,7% dư nợ gốc tính lãi là 95.900.000 đồng, tiền lãi phải trả = 95.900.000 đồng x 9,7% : 365 ngày x 7 ngày = 178.400 đồng.

Tổng lãi trong hạn là 86.411.005 đồng.

[4.1.2] Lãi suất quá hạn còn phải trả tính hết ngày 31/01/2024: Tiền lãi quá hạn được thỏa thuận tại khoản 3.3 Điều 3 trong hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 được tính theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần dư nợ gốc quá hạn} = \frac{\text{(Dư nợ gốc quá hạn) x (lãi suất quá hạn theo năm) x (số ngày tính lãi bị quá hạn)}}{365}$$

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 17***:** từ ngày 25/11/2021 đến 01/02/2024 là 798 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo

quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn kỳ 17 là 6.838.513 đồng, cụ thể tính như sau:

- Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 18/03/2022 là 113 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 15,15% : 365 x 113 ngày = 877.081đồng.

- Từ ngày 18/03/2022 đến ngày 18/09/2022 là 184 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 15,45% : 365 x 184 ngày = 1.456.448 đồng

-Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 10,40% : 365 x 91 ngày =727.302 đồng

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 91 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 20,40% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/3/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/6/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 18*: từ ngày 25/12/2021 đến 01/02/2024 là 768 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 18: là 6.605.660 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/12/2021 đến ngày 18/03/2022 là 83 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng đồng x 15,15% : 365 x 83 ngày = 644.228 đồng.

- Từ ngày 18/03/2022 đến ngày 18/09/2022 là 184 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 184 ngày = 1.456.448 đồng.

-Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/6/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 19: từ ngày 25/12/2021 đến 01/02/2024 là 737 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 19 là 6.365.045 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/12/2021 đến ngày 18/03/2022 là 52 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,15% : 365 x 52 ngày = 403.613 đồng.

- Từ ngày 18/03/2022 đến ngày 18/09/2022 là 184 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 184 ngày = 1.456.448 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2022 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/6/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 20 từ ngày 25/02/2022 đến 01/02/2024 là 706 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồngđ, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 20 là 6.124.429 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 18/03/2022 là 21 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,15% : 365 x 21 ngày = 162.997 đồng.

- Từ ngày 18/03/2022 đến ngày 18/09/2022 là 184 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 184 ngày = 1.456.448 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/3/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/6/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng

- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 21 từ ngày 25/03/2022 đến 01/02/2024 là 678 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 21 là 5.906.024 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/03/2022 đến ngày 18/09/2022 là 177 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 177 ngày = 1.401.040 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 22 từ ngày 25/04/2022 đến 01/02/2024 là 647 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồngđ, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 22 là 5.660.644 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/04/2022 đến ngày 18/09/2022 là 146 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 146 ngày = 1.155.660 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184đ

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 23 từ ngày 25/5/2022 đến 01/02/2024 là 617 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 23 là 5.423.179 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/05/2022 đến ngày 18/09/2022 là 116 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 116 ngày = 918.196 đồng.

-Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

-Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 24 từ ngày 25/06/2022 đến 01/02/2024 là 586 ngày,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 24 là 5.177.799 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/06/2022 đến ngày 18/09/2022 là 85 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 85 ngày = 672.816 đồng.

-Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

-Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 25 từ ngày 25/07/2022 đến 01/02/2024 là 556 ngày ,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 25 là 4.940.335 đồng, cụ thể như sau:

-Từ ngày 25/07/2022 đến ngày 18/09/2022 là 55 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 55 ngày = 435.351 đồng.

-Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

-Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 26 từ ngày 25/08/2022 đến 01/02/2024 là 525 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 26 là 4.694.955 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/08/2022 đến ngày 18/09/2022 là 24 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 24 ngày = 189.972 đồng.

- Từ ngày 18/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 91 ngày = 727.302 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 27 từ ngày 25/09/2022 đến 01/02/2024 là 449 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 27 là 4.449.037 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/09/2022 đến ngày 18/12/2022 là 84 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 84 ngày = 671.356 đồng.

- Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 28 từ ngày 25/10/2022 đến 01/02/2024 là 464 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 28 là 4.209.268 đồng, cụ thể như sau:

-Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 18/12/2022 là 54 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 54 ngày = 431.586 đồng.

-Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 29* từ ngày 25/11/2022 đến 01/02/2024 là 433 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 29 là 3.961.505 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/11/2022 đến ngày 18/12/2022 là 23 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,6% : 365 x 23 ngày = 183.824 đồng.

-Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 89 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 89 ngày = 930.184 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 30:* từ ngày 25/12/2022 đến 01/02/2024 là 403 ngày ,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 30 là 3.704.521 đồng., cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/12/2022 đến ngày 17/03/2023 là 82 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 82 ngày = 857.024đ

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 31* từ ngày 25/01/2023 đến 01/02/2024 là 372 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 31 là 3.380.525 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/01/2023 đến ngày 17/03/2023 là 51 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 51 ngày = 533.027 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 32* từ ngày 25/02/2023 đến 01/02/2024 là 341 ngày ,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 32 là 3.056.528 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 17/03/2023 là 20 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 20,4% : 365 x 20 ngày = 209.030 đồng.

- Từ ngày 17/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 93 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 93 ngày = 936.255 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 33* từ ngày 25/03/2023 đến 01/02/2024 là 313 ngày ,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 33 là 2.766.960 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/03/2023 đến ngày 18/06/2023 là 85 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 85 ngày = 855.717 đồng.

- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 34* từ ngày 25/04/2023 đến 01/02/2024 là 282 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 34 là 2.454.875 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/04/2023 đến ngày 18/06/2023 là 54 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 54 ngày = 543.632 đồng.
- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.
- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.
- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 35* từ ngày 25/05/2023 đến 01/02/2024 là 252 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 35 là 2.152.857 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/05/2023 đến ngày 18/06/2023 là 24 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 19,65% : 365 x 24 ngày = 241.614 đồng.
- Từ ngày 18/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 92 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 92 ngày = 855.487 đồng.
- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.
- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 36* từ ngày 25/06/2023 đến 01/02/2024 là 221 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 36 là 1.846.151 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/06/2023 đến ngày 18/09/2023 là 85 ngày ,lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 85 ngày = 790.395 đồng.
- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.
- Từ ngày 18/09/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 37* từ ngày 25/07/2023 đến 01/02/2024 là 191 ngày ,số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy

định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 37 là 1.567.188 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/07/2023 đến ngày 18/09/2023 là 55 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 55 ngày = 511.432 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 38 từ ngày 25/08/2023 đến 01/02/2024 là 160 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 38 là 1.278.926 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/08/2023 đến ngày 18/09/2023 là 24 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 18,15% : 365 x 24 ngày = 223.170 đồng.

- Từ ngày 18/9/2023 đến ngày 18/12/2023 là 91 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 91 ngày = 720.309 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 39: từ ngày 25/09/2023 đến 01/02/2024 là 129 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 39 là 1.000.348 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/09/2022 đến ngày 18/12/2023 là 84 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 84 ngày = 664.900 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ Lãi suất quá hạn của kỳ 40 từ ngày 25/10/2023 đến 01/02/2024 là 99 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 40 là 762.883 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 18/12/2023 là 54 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 54 ngày = 427.436 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 41* từ ngày 25/11/2023 đến 01/02/2024 là 68 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 41 là 517.503 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/11/2023 đến ngày 18/12/2023 là 23 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 23 ngày = 182.056 đồng.

- Từ ngày 18/12/2023đến ngày 01/02/2024 là 45 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 14,55% : 365 x 45 ngày = 335.447 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 42* từ ngày 25/12/2023 đến 01/02/2024 là 38 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 42 là 283.267 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 01/02/2024 là 38 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 38 ngày = 283.267 đồng.

+ *Lãi suất quá hạn của kỳ 43* từ ngày 25/01/2024 đến 01/02/2024 là 07 ngày, số tiền gốc quá hạn 18.700.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại khoản 3.1 điều 3, tổng lãi quá hạn của kỳ 43 là 52.181 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 25/01/2024 đến 01/02/2024 là 07 ngày, lãi suất quá hạn = 18.700.000 đồng x 15,45% : 365 x 07 ngày = 52.181 đồng.

Như vậy lãi suất quá hạn còn phải trả tính hết ngày 31/01/2024 là 95.181.104 đồng.

[4.1.3] Về lãi suất chậm trả: Theo thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3 hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020: Trường hợp Bên vay không thanh toán lãi đúng hạn, thì Bên vay phải trả lãi chậm trả cho Bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi)

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần lãi chậm trả} = \frac{\text{(Số tiền lãi chậm trả) x (lãi suất chậm trả theo năm) x (số ngày tính lãi bị quá hạn)}}{365}$$

+ *Kỳ thứ 17*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/11/2021 đến 01/02/2024 là 798 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.407.745 đồng x 10% : 365 x 798 ngày = 745.036 đồng.

+ *Kỳ thứ 18*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/12/2021 đến 01/02/2024 là 768 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.832.227 đồng x 10% : 365 x 768 ngày = 1.016.754 đồng.

+ *Kỳ thứ 19*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/01/2022 đến 01/02/2024 là 737 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.832.892 đồng x 10% : 365 x 737 ngày = 975.847 đồng.

+ *Kỳ thứ 20*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/02/2022 đến 01/02/2024 là 706 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.672.481 đồng x 10% : 365 x 706 ngày = 903.773 đồng.

+ *Kỳ thứ 21*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/03/2022 đến 01/02/2024 là 678 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.095.595 đồng x 10% : 365 x 678 ngày = 760.771 đồng

+ *Kỳ thứ 22*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/04/2022 đến 01/02/2024 là 647 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.437.833 đồng x 10% : 365 x 647 ngày = 786.651 đồng.

+ *Kỳ thứ 23*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/05/2022 đến 01/02/2024 là 617 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.136.367 đồng x 10% : 365 x 617 ngày = 699.216 đồng.

+ *Kỳ thứ 24*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/06/2022 đến 01/02/2024 là 586 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 4.110.659 đồng x 10% : 365 x 586 ngày = 659.958 đồng.

+ *Kỳ thứ 25*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/07/2022 đến 01/02/2024 là 556 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.819.748 đồng x 10% : 365 x 556 ngày = 581.857 đồng.

+ *Kỳ thứ 26*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/08/2022 đến 01/02/2024 là 525 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.783.486 đồng x 10% : 365 x 525 ngày = 544.200 đồng.

+ *Kỳ thứ 27*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/09/2022 đến 01/02/2024 là 494 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.627.836 đồng x 10% : 365 x 494 ngày = 491.000 đồng

+ *Kỳ thứ 28*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/10/2022 đến 01/02/2024 là 464 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.377.293 đồng x 10% :365 x 464 ngày = 429.333 đồng.

+ *Kỳ thứ 29*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/11/2022 đến 01/02/2024 là 433 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.324.695 đồng x 10% : 365 x 433 ngày = 394.409 đồng.

+ *Kỳ thứ 30*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/12/2022 đến 01/02/2024 là 403 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.277.120 đồng x 10% : 365 x 403 ngày = 361.830 đồng.

+ *Kỳ thứ 31:* Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/01/2023 đến 01/02/2024 là 372 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.915.682 đồng x 10% : 365 x 372 ngày = 399.078 đồng.

+ *Kỳ thứ 32*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/02/2023 đến 01/02/2024 là 341 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.713.620 đồng x 10% : 365 x 341 ngày = 346.944 đồng.

+ *Kỳ thứ 33*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/03/2023 đến 01/02/2024 là 313 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.113.504 đồng x 10% : 365 x 313 ngày = 266.994 đồng.

+ *Kỳ thứ 34*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/04/2023 đến 01/02/2024 là 282 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 3.147.553 đồng x 10% : 365 x 282 ngày = 243.181 đồng.

+ *Kỳ thứ 35*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/05/2023 đến 01/02/2024 là 252 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 2.844.674 đồng x 10% : 365 x 252 ngày = 196.399 đồng.

+ *Kỳ thứ 36:* Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/06/2023 đến 01/02/2024 là 221 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 2.684.358 đồng x 10% : 365 x 221 ngày = 165.532 đồng.

+ *Kỳ thứ 37*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/07/2023 đến 01/02/2024 là 191 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 2.255.573 đồng x 10% : 365 x 191 ngày = 118.031 đồng

+ *Kỳ thứ 38*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/08/2023 đến 01/02/2024 là 160 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 2.138.584 đồng x 10% : 365 x 160 ngày = 93.746 đồng.

+ *Kỳ thứ 39*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/09/2023 đến 01/02/2024 là 129 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 1.881.027 đồng x 10% : 365 x 129 ngày = 66.480 đồng.

+ *Kỳ thứ 40*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/10/2023 đến 01/02/2024 là 99 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 1.445.104 đồng x 10% : 365 x 99 ngày = 39.196 đồng.

+ *Kỳ thứ 41*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/11/2023 đến 01/02/2024 là 68 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 1.329.688 đồng x 10% : 365 x 68 ngày = 24.772 đồng.

+ *Kỳ thứ 42*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/12/2023 đến 01/02/2024 là 38 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 1.113.146 đồng x 10% : 365 x 38 ngày = 11.589 đồng.

+ *Kỳ thứ 43*: Lãi suất quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/01/2024 đến 01/02/2024 là 7 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 944.116 đồng x 10% : 365 x 7 ngày = 1.811 đồng.

Như vậy tổng lãi chậm trả tính hết ngày 31/01/2024 là 11.321.388 đồng. Số tiền lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 gồm tiền lãi phải trả đối với dư nợ gốc và lãi phải trả đối với phần lãi chậm trả là 95.181.104 đồng + 11.321.388 đồng = 106.502.492 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty Đ còn phải trả của hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 tạm tính hết ngày 31/01/2024 là:

- Tiền nợ gốc: 600.800.000 đồng.
- Tiền nợ lãi trong hạn: 86.441.005 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 106.502.492 đồng.
- Tổng là: 793.743.497 đồng.

[4.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021.

Ngày 28/10/2021, Ngân hàng B và Công ty Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank, số tiền vay: 110.000.000, đồng; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động khách hàng doanh nghiệp thanh toán tiền điện cho công ty Điện lực Bát Xát. Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 29/10/2021 đến ngày 28/04/2022. Lãi suất cố định trong thời hạn vay. Thỏa thuận lãi trả hàng tháng vào ngày 25, gốc trả cuối kỳ; Hết thời hạn vay Công ty Đ chưa trả được đồng nào cả gốc và lãi. Đến ngày 26/10/2023 Công ty Đ đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, lãi chưa trả.

Tính đến hết ngày 31/01/2024 Công ty Đ còn nợ tiền gốc: 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.113.699 đồng, lãi quá hạn 22.439.669 đồng. Như vậy đối với hợp đồng tín dụng ở trên, tổng nợ cả gốc và lãi là 126.553.368 đồng.

[4.2.1] Lãi suất trong hạn còn phải trả tính đến hết ngày 31/01/2024, theo thỏa thuận trong hợp đồng tại khoản 8.2.2 Điều 8 tính lãi theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \frac{\text{Dư nợ gốc tính lãi x lãi suất (năm) x số ngày thực tế tính lãi}}{365}$$

Từ ngày 28/10/2021 đến 28/04/2022 là 182 ngày, lãi suất 7,5%, Dư nợ gốc tính lãi là 110.000.000 đồng.

Số tiền lãi phải trả = 110.000.000 đồng x 7,5% : 365 x 182 ngày = 4.113.699 đồng.

[4.2.2] Lãi suất quá hạn phải trả đến hết ngày 31/01/2024: Theo thỏa thuận tại khoản 3.3 Điều 3 của hợp đồng tín dụng ở trên thì tính theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần dư nợ gốc quá hạn} = \frac{\text{(Dư nợ gốc quá hạn) x (lãi suất quá hạn theo năm) x (số ngày tính lãi bị quá hạn)}}{365}$$

+ Lãi quá hạn đối với phần dư nợ gốc phân kỳ quá hạn từ ngày 28/04/2022 đến 26/10/2023 là 546 ngày, lãi suất áp dụng 11,3%, số tiền lãi = 110.000.000 x 11.3% : 365 x 546 ngày = 18.593.918 đồng

+ Ngày 26/10/2023 Công ty Đ đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn dư nợ gốc là 100.000.000 đồng.

+ Lãi quá hạn đối với phần dư nợ gốc phân kỳ quá hạn từ ngày 26/10/2023 đến 01/02/2024 là 98 ngày, lãi suất áp dụng 11,3%, số tiền lãi =100.000.000 đồng x 11.3% : 365 x 98 ngày = 3.033.973 đồng.

Như vậy lãi phải trả đối với phần dư nợ gốc là 21.627.890 đồng.

[4.2.3] Về lãi chậm trả: Theo thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3 hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021: Trường hợp Bên vay không thanh toán lãi đúng hạn, thì Bên vay phải trả lãi chậm trả cho Bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi). Tính theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi phải trả đối với phần lãi chậm trả} = \frac{\text{(Số tiền lãi chậm trả) x (lãi suất chậm trả theo năm) x (số ngày tính lãi bị quá hạn)}}{365}$$

+ Kỳ 1: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/11/2021 đến 01/02/2024 là 798 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 632.877 đồng x 10% : 365 x 798 ngày = 138.366 đồng.

+ Kỳ 2: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/12/2021 đến 01/02/2024 là 768 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 678.082 đồng x 10% : 365 x 768 ngày = 142.767 đồng.

+ Kỳ 3: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/01/2021 đến 01/02/2024 là 737 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 700.685 đồng x 10% : 365 x 737 ngày = 141.481 đồng.

+ Kỳ 4: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/02/2022 đến 01/02/2024 là 706 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 700.685 đồng x 10% : 365 x 706 ngày = 135.530 đồng.

+ Kỳ 5: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/03/2022 đến 01/02/2024 là 678 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 632.877 đồng x 10% : 365 x 678 ngày = 117.559 đồng.

+ Kỳ 6: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 25/04/2022 đến 01/02/2024 là 647 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 700.685 đồng x 10% : 365 x 647 ngày = 124.204 đồng.

+ Kỳ 7: Lãi quá hạn đối với phần lãi chậm trả từ ngày 28/04/2022 đến 01/02/2024 là 644 ngày, lãi suất áp dụng 10%, số tiền lãi = 67.808 đồng x 10% : 365 x 644 ngày = 11.964 đồng.

Như vậy lãi chậm trả là 811.779 đồng. Số tiền lãi quá hạn của hợp đồng hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 gồm tiền lãi phải trả đối với dư nợ gốc và lãi phải trả đối với phần lãi chậm trả là 21.627.890 đồng + 811.779 đồng = 22.439.669 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty Đ còn phải trả của hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD. 240 - BacABank ngày 28/10/2021 tạm tính hết ngày 31/01/2024 là:

- Tiền nợ gốc: 100.000.000 đồng.
- Tiền nợ lãi trong hạn: 4.113.699 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 22.439.669 đồng.
- Tổng là: 126.553.368 đồng.

[4.3] Như vậy tính đến hết ngày 31/01/2024 Công ty Đ còn phải trả cho BacABank theo 02 hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 và hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 tổng số tiền là 920.296.865 đồng (Chín trăm hai mươi triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm sáu năm đồng).

[5] Xét về hợp đồng thế chấp:

[5.1] Xét hình thức của hợp đồng thế chấp: Công ty Đ có thế chấp 01 xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, Biển kiểm soát: 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020. Tài sản trên là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240 - BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240 - BacABank ngày 28/10/2021 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á với bên thế chấp là Công ty TNHH MTV Đầu tư tổng hợp Đức Tiến; bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/06/2020 và hợp đồng tín dụng số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021.

Cả hai hợp đồng thế chấp đều được lập thành văn bản, các bên ký kết tự nguyện và người ký đúng theo thẩm quyền, hợp đồng thế chấp số 20211028/HĐTC.240 - BacABank ngày 28/10/2021 được Công chứng tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy về hình thức đảm bảo và phù hợp với qui định của pháp luật.

[5.2] Về nội dung hợp đồng thế chấp:

Tài sản thế chấp của Công ty Đ thế chấp là 01 xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, Biển kiểm soát: 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020 mang tên Công ty Đ. Như vậy Công ty Đ có quyền thế chấp xe ô tô cho tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1 Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015. Nội dung thế chấp bảo đảm cho 02 Hợp đồng tín dụng ở trên. Các bên thỏa thuận đăng ký giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 18/6/2020.

[5.3] Như vậy về hình thức và nội dung của 02 hợp đồng thế chấp đều phù hợp với qui định của pháp luật. Các bên không có thỏa thuận gì khác, vì vậy 02 hợp đồng thế chấp có hiệu lực từ ngày ký kết.

[5.4] Tại đơn khởi kiện Ngân hàng Bác A Bank yêu cầu trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Bác A Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 20200615/HĐTC.240-BacABank ngày 15/06/2020 và số 20211028/HĐTC.240-BacABank ngày 28/10/2021.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận trong Điều 6 của 02 hợp đồng thế chấp phù hợp với Điều 299 Bộ Luật dân sự nên có căn cứ để Toà án chấp nhận. Công ty Đ có nghĩa vụ giao xe ô tô tải (có gắn cẩu) nhãn hiệu DONGFENG, Biển kiểm soát: 24C-114.15, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 032669 do Phòng Cảnh sát giao thông công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/06/2020 mang tên Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Đức Tiến cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng Bác A Bank thì Công ty Đ vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ bằng nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của doanh nghiệp cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng Bác A Bank.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp .

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 299, 317, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B .

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn tại các Hợp đồng tín dụng:

2.1 Hợp đồng tín dụng thứ nhất số 20200615/HĐTD.240-BacABank ngày 15/6/2020 tính hết ngày 31/01/2024 là:

- Tiền nợ gốc: 600.800.000 đồng.
- Tiền nợ lãi trong hạn: 86.441.005 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 106.502.492 đồng.
- Tổng là: 793.743.497đồng.

2.2 Hợp đồng tín dụng thứ hai số 20211028/HĐTD.240-BacABank ngày 28/10/2021 tính hết ngày 31/01/2024 là:

- Tiền nợ gốc: 100.000.000 đồng.
- Tiền nợ lãi trong hạn: 4.113.699 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 22.439.669 đồng.
- Tổng là: 126.553.368 đồng.

2.3 Tổng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đ phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B theo 02 hợp đồng tín dụng ở trên là 920.296.865 đồng (chín trăm hai mươi triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm sáu năm đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

3. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đức Tiến không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 20200615/HĐTC.240 - BacABank ngày 15/06/2020 và số 20211028/HĐTC.240 - BacABank ngày 28/10/2021 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đ đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B .

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đức Tiến vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ bằng nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của doanh nghiệp cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.527.866 (mười chín triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002481 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư Tổng hợp Đ phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là 39.616.276 (ba mươi chín triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành.

Nơi nhận:
- TA, VKS tỉnh;
- VKSND huyện Bát Xát;
- Đương sự (2);
- THA DS (2);
- Lưu TA,VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến